TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30-6-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đao Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giàng A Sinh;

Ông Lành Văn Thủy;

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Tố Uyên – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Huyện M, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Huyện M tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Huyện M tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: chị Giàng Thị M, sinh năm 1992; Địa chỉ: Bản Co L, xã M, Huyện M, tỉnh Điện Biên. Chỗ ở hiện nay: bản Ngã B, xã Mường T, Huyện M, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lường Văn Bình – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

***2. Bị đơn*:** Anh Hạng A V, sinh năm 1991; Địa chỉ: Bản Co L, xã M, Huyện M, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đơn: Ông Pờ Go Loòng– Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/02/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Giàng Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị M và anh Hạng A V tự nguyện lấy nhau và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, sau đó

chung sống từ năm 2007 nhưng không đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, anh Hạng A V thường xuyên uống rượu bia, chơi cờ bạc và hay mắng chửi, sử dụng bạo lực đối với chị M dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Chị M đã chuyển về ở với mẹ đẻ ở bản Ngã B, xã Mường Tong, Huyện M, tỉnh Điện Biên từ tháng 9 năm 2023 và ly thân với anh V cho đến nay, giữa hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị Giàng Thị M xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Hạng A V.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống như vợ chồng chị Giàng Thị M và anh Hạng A V có với nhau 02 người con chung là cháu Hạng A B, sinh ngày 07/5/2007 và cháu Hạng Thị D, sinh ngày 08/01/2012. Chị Giàng Thị M yêu cầu Tòa án giao cho anh Hạng A V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung (theo đơn trình bày nguyện vọng của các cháu) cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có thay đổi khác theo quy định pháp luật. Chị Giàng Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung*:* Chị Giàng Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại Biên bản lấy lời khai và Biên bản hòa giải anh Hạng A V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hạng A V khẳng định thời điểm sống chung không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống và thời điểm phát sinh mâu thuẫn, ly thân như chị M trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn anh V cho biết do bất đồng quan điểm sống, giữa hai người không có tiếng nói chung mới dẫn đến xảy ra cãi vã, rạn nứt. Theo biên bản ghi lời khai ngày 14/02/2025, anh V cho rằng vẫn còn tình cảm với chị M nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên tại phiên hòa giải về nuôi con chung và tài sản ngày 08/5/2025 anh V thay đổi ý kiến, đồng ý ly hôn với chị Giàng Thị M.

- Về con chung: Anh Hạng A V công nhận anh và chị Giàng Thị M có hai con chung như chị M trình bày. Ly hôn, anh Hạng A V có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh Hạng A V không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án nhân dân Huyện M thụ lý vụ án và quá trình xác minh tại Ủy ban nhân dân xã M, Huyện M, tỉnh Điện Biên xác định: Chị Giàng Thị M, anh Hạng A V sống chung như vợ chồng từ năm 2007 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Anh chị sinh sống và đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản Co L, xã M, Huyện M, tỉnh Điện Biên do anh Hạng A V là chủ hộ. Chị M và anh V có hai con chung: cháu Hạng A B, sinh ngày 07/5/2007 và cháu Hạng Thị D, sinh ngày

08/01/2012. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản hòa giải về việc giải quyết nuôi con chung, tài sản chung.

Tại phiên hoà giải ngày 08/5/2025 chị Giàng Thị M rút một phần yêu cầu khởi kiện: không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung Hạng A B vì lý do đến ngày 07/5/2025 cháu Bình đã đủ 18 tuổi. Anh chị thoả thuận thống nhất giao cháu Hạng Thị D cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự đều không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung anh chị đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà:

Chị Giàng Thị M và anh Hạng A V đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, các đương sự yêu cầu Tòa án căn cứ vào biên bản ghi lời khai và ý kiến đã trình bày tại phiên họp hòa giải để xem xét giải quyết vụ án theo quy định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Lường Văn Bình trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà các đương sự đã giao nộp và ý kiến cả các bên trong quá trình giải quyết vụ án để xem xét, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tuyên bố không công nhận chị Giàng Thị M và anh Hạng A V là vợ chồng. Về con chung: đề nghị chấp nhận việc rút yêu cầu khởi kiện của chị M đối với việc nuôi dưỡng cháu Bình, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao cháu Dủa cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng và không xem xét việc cấp dưỡng đối với cháu Dủa. Về tài sản do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Pờ Go Loòng trình bày: Chị Giàng Thị M và anh Hạng A V tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2007 nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Từ tháng 9 năm 2023 hai bên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân và đều đề nghị ly hôn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị M và anh Hạng A V. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử chấp thuận sự thỏa thuận của các đương sự, giao con chung Hạng Thị D cho anh Hạng A V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con chung đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết. Về tài sản do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện M tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Về phía các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 58, Điều 68, khoản 3 Điều 70, khoản 1 Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Giàng Thị M, không công nhận chị Giàng Thị M và anh Hạng A V là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện về việc nuôi con chung Hạng A B. Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự, giao cho anh Hạng A V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên Hạng Thị D, sinh ngày 08/01/2012 cho đến khi (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có thay đổi khác theo quy định pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm cho đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Giàng Thị M xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Hạng A V có hộ khẩu thường trú tại bản Co L, xã M, Huyện M, tỉnh Điện Biên. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện M, tỉnh Điện Biên.

[1.2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Ngày 28/5/2025, Tòa án mở phiên tòa, chị Giàng Thị M và anh Hạng A V đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự Giàng Thị M, Hạng A V.

[2]. Về điều luật áp dụng: Chị M, anh V chung sống như vợ chồng từ năm 2007, không có đăng ký kết hôn. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng quy định của

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân và áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Giàng Thị M và anh Hạng A V sống chung như vợ chồng từ năm 2007, chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục dân tộc Mông mà không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật nên đã vi phạm khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Từ năm 2007 cho đến nay mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng chị M, anh V vẫn không đăng ký kết hôn, vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa hai người là không hợp pháp.

Từ năm 2021 anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, chị M cho rằng anh V thường xuyên uống rượu bia rồi mắng chửi, sử dụng bạo lực đối với chị nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chúng minh. Tuy nhiên cả chị M, anh V đều thừa nhận cuộc sống chung mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Thực tế anh chị đã không còn sống chung từ tháng 09/2023 cho đến nay, giữa hai người không còn tình cảm và sự quan tâm đối với nhau. Chị Giàng Thị M có yêu cầu giải quyết ly hôn nên Hội đồng xét xử cần căn cứ khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị M và anh Hạng A V.

[3.2]. Về con chung:

Trong thời gian chung sống như vợ chồng chị Giàng Thị M, anh Hạng A V có với nhau hai người con chung là cháu Hạng A B, sinh ngày 07/5/2007 và chạu Hạng Thị D, sinh ngày 08/01/2012.

Đối với yêu cầu về việc nuôi dưỡng con chung Hạng A B: Mặc dù tại đơn khởi kiện ngày 12/02/2025 chị Giàng Thị M đã yêu cầu Tòa án giải quyết trên cơ sở đơn trình bày nguyện vọng của Bình là giao cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Nhưng tại phiên hòa giải ngày 08/5/2025, chị Giàng Thị M rút yêu cầu khởi kiện về việc nuôi con chung Hạng A B vì cháu đã đủ 18 tuổi. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần rút yêu khởi kiện của nguyên đơn. Do cháu Hạng A B đã thành niên và có khả năng lao động nên xác định chị M không có quyền khởi kiện lại về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng cháu Bình.Chị Giàng Thị M không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

Đối với con chung Hạng Thị D: Tại phiên hoà giải và trong đơn xin xét xử vắng mặt, chị M và anh V đã thoả thuận thống nhất giao cháu Dủa cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Cả hai anh chị đều làm nông nghiệp, có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con cái như nhau. Cháu Dủa có đơn trình bày nguyện vọng được ở với bố và thực tế cháu đang sinh sống ổn định cùng với anh V từ khi anh

chị ly thân. Xét thấy thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo quyền lợi và phù hợp với nguyện vọng của của cháu Hạng Thị D. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 15, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Dủa cho anh Hạng A V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3.]. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Xét thấy chị M là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn đề nghị miễn nộp tạm ứng án phí, án phí. Vì vậy, cần áp dụng Điều 147 Bộ Luật tố tụng Dân sự, điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Giàng Thị M.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Điều 9, Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 39 của Bộ luật dân sự;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị M và anh Hạng A V.

2. Về con chung:

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của chị Giàng Thị M về việc nuôi con chung Hạng A B.

Giao con chung Hạng Thị D, sinh ngày 08/01/2012 cho anh Hạng A V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi

thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và cấp dưỡng nuôi con chung có thể thay đổi, Toà án sẽ xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật khi có đơn yêu cầu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn Giàng Thị M.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Phòng TT, KT và THA TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND Huyện M;
- Chi cục THA dân sự Huyện M;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và LIHP của NĐ, BĐ;
- UBND xã M;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đao Thị Bích Thảo